TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS - ST
Ngày: 23 - 8 - 2024
V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Công.
2. Ông Thạch Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2024/TLST - DS, ngày 05 tháng 4 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2024/QĐXXST – DS, ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 156/2024/QĐXXST – DS, ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Ngoan E, sinh năm 1981. Địa chỉ: T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn N Em là ông Phạm Minh L, sinh năm 1993. Địa chỉ: T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn:
1/Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977.
2/Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979.
Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Minh L là đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn N Em trình bày:

Nguyên năm 2022 ông Ngoan E có cho vợ chồng ông H và bà T vay tổng cộng 03 lần như sau: Lần 1 (ngày 26/4/2022) vay 50.000.000đồng, lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, mục đích vay làm ăn, có làm biên nhận do ông H đại diện ký tên; Lần 2 (ngày 20/8/2022) vay 10.000.000đồng, lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay là 01 năm, mục đích vay làm ăn, ông H có viết nội dung số tiền vay này chung với biên nhận ngày 26/4/2022; Lần 3 (ngày 20/10/2022) vay 80.000.000đồng, lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay là 11 tháng, mục đích vay lo cho gia đình, có làm biên nhận do ông H đại diện ký tên. Quá trình vay thì ông H và bà T chỉ trả được cho ông Ngoan E 10.000.000đồng tiền gốc; đối với tiền lãi ông H và bà T chỉ đóng lãi được đến ngày 20/5/2023 thì ngưng không đóng nữa; lần vay thứ 1 ông H có giao cho ông Ngoan E một giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 1248, tờ bản đồ số 11, diện tích 113m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C do ông Nguyễn Thanh H đứng tên quyền sử dụng đất để làm tin. Ông Ngoan E đã nhiều lần gặp ông H và bà T để đòi tiền nhưng ông H và bà T cứ hứa mà không thực hiện.

Nay ông Ngoan E yêu cầu ông H và bà T trả số tiền gốc 130.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/5/2023 đến ngày giải quyết xong vụ án. Khi ông H và bà T trả xong nợ thì ông Ngoan E sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 1248, tờ bản đồ số 11, diện tích 113m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C cho ông H và bà T.

Theo lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh H (và ông H là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T) trình bày: Thời gian cụ thể ông không nhớ của năm 2023 vợ chồng ông có vay của ông Ngoan E 03 lần tiền cụ thể là: Lần 01 vay 35.000.000đồng, mục đích vay là để chi sài trong gia đình, có ghi biên nhận, bà T có ký tên, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận là 2.000đồng/1.000.000đồng/ngày, vợ chồng ông có đóng lãi cho ông Ngoan E nhưng không nhớ rõ bao nhiêu. Lần 02 là ông có ký biên nhận vay 50.000.000đồng, mục đích vay là chi sài cá nhân, có biên nhận nhưng chỉ ông ký tên, bà T không ký tên, nhưng số tiền thực tế chỉ nhận 10.000.000đồng, lý do ông Ngoan E dồn phần nợ này vào biên nhận 35.000.000đồng và cộng thêm tiền lãi nên

mới ra 50.000.000đồng; vợ chồng ông có đóng lãi cho ông Ngoan E nhưng không nhớ bao nhiêu. Lần 03 là ông có ký biên nhận vay số tiền 80.000.000đồng chỉ ông ký tên, vợ ông là bà T không có ký tên, nhưng số tiền nhận thực tế chỉ có 30.000.000đồng do ông Ngoan E dồn vào phần nợ lần 02 vay 50.000.000đồng; mục đích vay là để chi sài cá nhân. Lần này ông không có đóng lãi nên cuối năm 2023 ông Ngoan E có yêu cầu ông ký vào biên nhận nợ 98.000.000đồng và đi khởi kiện cho đến nay, lần này ông ký tên còn bà T không có ký tên vào biên nhận.

Nay ý kiến của ông H là vợ chồng ông đồng ý trả số tiền vay còn nợ là 98.000.000đồng theo biên nhận nợ; đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng thuộc thửa đất 1248, tờ bản đồ số 11, diện tích 113m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh ông H yêu cầu ông Ngoan E trả lại cho vợ chồng ông. Đối với các biên nhận nợ ngày 26/4/2022 và biên nhận nợ ngày 20/10/2022 ông thừa nhận là do ông ký tên xác nhận; đối với biên nhận nợ ngày 26/4/2022 có ghi thêm 10.000.000đồng vào ngày 20/8/2022 ông thừa nhận là chữ ký của ông ký.

Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như có tiến hành thu thập chứng cứ, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, cũng như gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đưa vụ án ra xét xử. Việc tuân theo theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

* *Về nội dung vụ án:* Vị đề nghị căn cứ vào quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Bộ luật Dân sự và các quy định pháp luật có liên quan.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngoan E.

Buộc ông H và bà T có nghĩa vụ trả cho ông Ngoan E số tiền gốc là 130.000.000đồng và tiền lãi 0,83%/tháng từ ngày 20/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Buộc ông Ngoan E có nghĩa vụ trả cho ông H và bà T một giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 1248, tờ bản đồ số 11, diện tích 113m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Thanh H đứng tên.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa ông Phạm Minh L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; có mặt ông Nguyễn Thanh H là bị đơn. Đương sự có mặt vẫn giữ lời trình bày và yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong vụ án, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Đối với ông Phạm Văn Ngoan E vắng mặt nhưng có ủy quyền cho ông Phạm Minh L, ông L vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung vụ án:** Việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Ngoan E với ông H và bà T là có thật được thể hiện tại biên các nhận nợ ngày 26/4/2022; ngày 20/10/2022; đối với biên nhận nợ ngày 26/4/2022 có ghi thêm 10.000.000đồng vào ngày 20/8/2022 do ông Ngoan E cung cấp; đồng thời ông H đều thừa nhận các biên nhận này là chữ ký do ông ký xác nhận. Căn cứ Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự tình tiết các bên đương sự thừa nhận là tình tiết không cần phải chứng minh.

Căn cứ vào các biên nhận nợ trên thì ông Ngoan E cho rằng ông H và bà T có vay của ông số tiền là 140.000.000đồng, đã trả được 10.000.000đồng, còn nợ lại 130.000.000đồng đến nay chưa trả. Nay ông Ngoan E yêu cầu ông H và bà T trả số tiền này và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/5/2023 đến ngày giải quyết. Ông H chỉ thừa nhận có nợ ông Ngoan E là 98.000.000đồng và đồng ý trả cho ông Ngoan E số tiền còn nợ cùng tiền lãi theo quy định pháp luật, ông H không thừa nhận số tiền 130.000.000đồng như ông Ngoan E khởi kiện.

Xét lời thừa nhận của ông H cho rằng còn nợ ông Ngoan E 98.000.000đồng và có ghi biên nhận cho ông Ngoan E số tiền nợ này là không có cơ sở; Bởi lẽ ông L là đại diện của ông Ngoan E không thừa nhận và trong quá trình giải quyết vụ án thì ông H và bà T không cung cấp chứng cứ chứng minh là ông chỉ còn nợ ông Ngoan E là 98.000.000đồng như ông trình bày. Phía ông Ngoan E thì cung cấp được chứng cứ là các biên nhận nợ về số tiền vay mà ông Ngoan E đi khởi kiện và

được ông H thừa nhận các biên nhận này do ông ký tên xác nhận. Căn cứ Điều 91 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì phải cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Do vậy ông Ngoan E yêu cầu ông H và bà T trả số tiền gốc 130.000.000đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền lãi: Theo ông H thì cho rằng ông có đóng lãi cho ông Ngoan E nhưng ông không trình bày được số tiền cụ thể và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Nay ông Ngoan E yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 20/5/2023 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án (ngày 23/8/2024) đối với số tiền gốc 130.000.000đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 130.000.000đồng x 0,83%/tháng = 1.079.000đồng/tháng x 15 tháng 03 ngày = 16.293.000đồng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngoan E. Buộc ông H và bà T có nghĩa vụ trả cho ông Ngoan E số tiền gốc và lãi 146.293.000đồng.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) thuộc thửa đất 1248, tờ bản đồ số 11, diện tích 113m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Thanh H đứng tên, ông H đã giao cho ông Ngoan E giữ để làm tin vay tiền; ông Ngoan E đồng ý trả lại cho ông H và bà T. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của ông Ngoan E.

[3] Quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H và bà T có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật; ông Ngoan E không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 615 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Ngoan E.

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn N Em số tiền gốc và lãi là 146.293.000đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Buộc ông Phạm Văn N Em có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) thửa đất 1248, tờ bản đồ số 11, diện tích 113m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Thanh H đứng tên khi ông H và bà T trả xong nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn Ngoan E không phải chịu án phí sơ thẩm. Đối với số tiền 3.628.000đồng (*Ba triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003196, nộp ngày 05 tháng 4 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu được hoàn trả ông Ngoan E.

Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp 7.314.600đồng (*Bảy triệu ba trăm mười bốn nghìn sáu trăm đồng*) án phí sơ thẩm.

“ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ”.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh